

Bản án số: 61/2017/HNGĐ-ST
Ngày 01/8/2017
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thùy My

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Tha

Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:*
Ông Trần Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 254/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 91/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê H, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa;
Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Phạm P, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa;
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 25/4/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê H trình bày:* Bà và ông Phạm P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng đến ngày 09 tháng 8 năm 2002 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông P thường xuyên uống rượu, kiêu chuyệ n vô cớ để chửi, đuổi bà H ra khỏi nhà nhiều lần. Bà H cũng đã cho ông P nhiều cơ hội thay đổi tính tình nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên tháng 8 năm 2016 bà H, ông P không còn chung sống với nhau, mạnh ai người ấy sống, không còn ai quan tâm đến ai nữa. Nay bà H không còn tình cảm với ông P nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm P.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Phạm M, sinh ngày 18/10/2000; Hiện nay con chung đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng nên bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M đến trưởng thành; bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai, bị đơn ông Phạm P trình bày:* Về quá trình tìm hiểu, đi đến kết hôn và con chung đúng như bà H đã trình bày. Ông không đồng ý ly hôn với bà H vì ông còn yêu thương vợ con. Ông không đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Tài sản chung: ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo hợp lệ đối với bị đơn ông Phạm P để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông P không có mặt để làm việc theo thông báo của Tòa án nên không tiến hành hòa giải được vụ án. Tại phiên tòa, ông P vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa phát biểu như sau: Về chấp hành thủ tục tố tụng Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân đã tuân thủ đúng theo các trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Đối với đương sự nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo các trình tự thủ tục tố tụng dân sự; bị đơn ông Phạm P đã được Tòa tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên coi như tự tước mất quyền lợi của mình tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy tình cảm vợ chồng bà Lê H và ông Phạm P đã không còn chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2016 nên giữa bà H và ông P, vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai, vợ chồng không còn chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không còn tồn tại nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận cho bà Lê H được ly hôn ông Phạm P. Về con chung, bà Lê H và ông Phạm P có duy nhất 01 người con chung là Phạm M, sinh ngày 18/10/2000; bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và cháu M cũng có nguyện vọng được ở với mẹ và bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở chấp nhận và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung; Tài sản chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục:* Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn ông Phạm P đã được Tòa án tổng đạt các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng ông Phạm

P vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm P theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Xác định đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình về ly hôn và con chung.

[2] *Về nội dung vụ án*:

2.1 Về hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy bà Lê H và ông Phạm P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, được Ủy ban cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 39/2002, quyển số: 01/2002, cấp ngày ngày 09 tháng 8 năm 2002. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê H và ông Phạm P là hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do ông P thường xuyên uống rượu về nhà kiểm chuyện vô cơ chửi và đuổi bà H ra khỏi nhà; bà H nhiều lần khuyên can, nhắc nhở, tha thứ cho ông P nhưng ông P không chịu từ bỏ làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và kéo dài cho đến tháng 8 năm 2016 vợ chồng không còn chung sống với nhau. Cho thấy đời sống chung giữa vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong các buổi hòa giải và tại phiên tòa, ông P vẫn cố tình vắng mặt nên coi như tự tước mất quyền lợi của mình và tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Cho thấy ông P không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để duy trì cuộc sống chung nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ và phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2 Về con chung: Bà Lê H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm M, sinh ngày 18/10/2000; bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Trong vụ án này, xét thấy từ khi bà H và ông P không còn chung sống với nhau, việc nuôi dưỡng cháu M là do bà H trực tiếp đảm nhiệm. Tại bản tự khai, ông P có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu M nhưng ông P không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên, cháu M có nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Vì vậy, bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu M là có cơ sở chấp nhận. Bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Phạm P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản chung: Bà Lê H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Tại phiên tòa ông Phạm P vắng mặt nên cần tách ra thành vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[3] *Về án phí*: Bà Lê H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê H. Bà Lê H được ly hôn với ông Phạm P.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Phạm M, sinh ngày 18/10/2000 cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Phạm P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Lê H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0013323 ngày 03/5/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Lê H đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Phạm Thùy My